TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Th**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn Q** , sinh năm 1983. ĐKHKTT: thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện tại: thôn Q, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị Th trình bày: Chị và anh Q kết hôn vào ngày 29/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V,

huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 10 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do trước khi kết hôn chị không biết anh Q nghiện ma tuý, sau khi kết hôn về được một tháng thì chị mới phát hiện ra. Chị đã khuyên bảo anh Q nhiều lần, nhưng anh Q không thay đổi, vẫn chơi bời dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 8/2014, chị và anh Q về làm công nhân tại Công ty may T thuộc khu công nghiệp L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Q vẫn chơi bời chị can ngăn không được nên tháng 11/2017 chị đi lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 7/2022 chị về nước nhưng không về ở với anh Q mà về nhà bố mẹ đẻ ở xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ở. Từ khi chị về, chị đã chủ động gọi điện và nhắn tin cho anh Q, anh Q có nhắn tin lại cho chị là không liên quan và yêu cầu chị không được gọi điện cho anh Q nên chị không liên lạc với anh Q nữa. Nay chị Th xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai Bị đơn anh Ngô Văn Q trình bày: Anh và chị Th kết hôn vào ngày 29/12/2009 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh và chị Th ở nhà khoảng được vài tháng thì đưa nhau lên Hà Nội, sau đó lại vào Miền Nam làm ăn, đến năm 2013 thì anh chuyển về làm công nhân tại Công ty may T thuộc khu công nghiệp L, huyện K. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Th theo anh Q khai thì từ khi vợ chồng kết hôn đến khi chị Th đi nước ngoài vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Khi chị Th đi lao động ở Nhật Bản, chị Th có quan hệ nam nữ không đúng mực với người khác. Việc này anh chỉ nghe cháu anh xem trên mạng còn thực tế anh không trực tiếp chứng kiến. Từ khi chị Th về nước chị Th và anh không gọi điện và gặp nhau lần nào, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị Th không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc anh nhất trí ly hôn chị Th. Ngoài ra, anh Q còn đề nghị Toà án xem xét để anh và chị Th thoả thuận trả tiền anh vay cho chị Th đi lao động nước ngoài và tiền anh nuôi cháu M từ tháng 11/2017 đến nay.

Về con chung: Chị Th và anh Q cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Ngô Tiến M, sinh ngày 01/5/2010 hiện cháu đang ở với bố mẹ anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh mỗi tháng là 2.500.000đồng. Chị Th đồng ý với yêu cầu về con chung của anh Q.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Chu Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Q, đề nghị Toà án giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên toà: Chị Th và anh Q đều vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTT dân sự, Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Quyết; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Chị Th phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Ngô Văn Q là bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Chị Th là nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh Q được Toà án triệu tập 2 hợp lệ đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Chu Thị Th và anh Ngô Văn Q .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Th và anh Ngô Văn Q kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Xét về mâu thuẫn vợ chồng thì thấy rằng tại lời khai của chị Th và anh Q cùng xác định sau khi chị Th đi lao động tại Nhật Bản về nước, giữa hai bên không liên lạc, gặp gỡ gì nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở nhiều phiên hoà giải để hoà giải giữa hai bên mục đích để chị Th và anh Q dàn xếp về đoàn tụ, song anh Q đều không đến. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Q mâu thuẫn đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Th xin được ly hôn anh Ngô Văn Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của anh Q thì thấy: Con chung của chị Th và anh Q hiện nay đang ở trực tiếp với bố mẹ anh Q, cháu có chỗ ở và nơi học tập ổn định. Mặc dù anh Q đi làm xa, song anh Q vẫn thường xuyên về thăm nom con và gửi tiền về nhờ bố mẹ chăm sóc cháu M. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/2/2023 cháu M có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu Ngô Tiến M, sinh ngày 01/5/2010 cho anh Ngô Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc mới phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh mỗi tháng là 2.500.000đồng, chị Th hoàn toàn nhất trí. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

[4]. Về đề nghị của anh Q về việc yêu cầu chị Th trả số tiền anh Q vay cho chị Th đi lao động nước ngoài và tiền cấp dưỡng nuôi cháu M từ tháng 11/2017 đến nay, song Q không xuất trình được tài liệu chứng minh nên không có căn cứ giải quyết trong vụ án này. Sau này anh Q có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị Th và anh Ngô Văn Q không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị Th là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Th cho ly hôn giữa chị Chu Thị Th và anh Ngô Văn Q .

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Tiến M, sinh ngày 01/5/2010 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Q mỗi tháng 2.500.000đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự cấp dưỡng tiền nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004881 ngày 25 tháng 10 năm 2022. Chị Th còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Th và anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Bích